TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 4 - HUẾ** **THÀNH PHỐ HUẾ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 121/2026/QĐST-HNGĐ	*Thành phố Huế, ngày 13 tháng 4 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý 93/2026/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 3 năm 2026 về việc "Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn", giữa:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị Minh Ph, sinh ngày 26/02/2005; Căn cước công dân số 046305010XXX, cấp ngày 07/02/2022, nơi cấp: Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội- Bộ Công an; Nơi cư trú: Thôn B, xã L, thành phố Huế.

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn H, sinh ngày 01/11/1999; Căn cước số 046099012XXX, cấp ngày 04/02/2025, nơi cấp: Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội- Bộ Công an; Nơi cư trú: Thôn B, xã L, thành phố Huế.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 03 tháng 4 năm 2026.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 03 tháng 4 năm 2026 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Nguyễn Thị Minh Ph và anh Nguyễn H.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về con chung và việc nuôi con: Chị Nguyễn Thị Minh Ph và anh Nguyễn H công nhận vợ chồng có 01 người con chung là Nguyễn Ngọc Như V, sinh ngày 24/5/2022. Hai bên thỏa thuận giao cho anh Nguyễn H được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Nguyễn Ngọc Như V cho đến

khi thành niên (từ đủ 18 tuổi), chị Nguyễn Thị Minh Ph không phải cấp dưỡng tiền nuôi con.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung theo quy định của pháp luật.

2.2. Về tài sản chung: Chị Nguyễn Thị Minh Ph và anh Nguyễn H trình bày tự thỏa thuận với nhau về tài sản chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.3. Về nợ chung: Chị Nguyễn Thị Minh Ph và anh Nguyễn H trình bày vợ chồng không có nợ chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Minh Ph và anh Nguyễn H thỏa thuận chị Nguyễn Thị Minh Ph chịu 150.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền án phí là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) mà chị Nguyễn Thị Minh Ph đã nộp, theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án có kí hiệu BLTU/26E, số 0000783 ngày 18/3/2026 của Thi hành án dân sự thành phố Huế, chị Nguyễn Thị Minh Ph đã nộp đủ.

Hoàn trả lại cho chị Nguyễn Thị Minh Ph số tiền tạm ứng án phí chênh lệch là 150.000 (Một trăm năm mươi nghìn) đồng.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, được bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung Luật Thi hành án dân sự năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự và Điều 7a, 7b Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi hành án dân sự năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND TP Huế;
- VKSND TP Huế;
- VKSND khu vực 4- Huế;
- THADS TP Huế;
- Phòng THADS khu vực 4- Huế;
- Các đương sự;
- UBND xã L, thành phố Huế, (Trước đây là UBND xã L, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế, đăng ký kết hôn ngày 23/5/2023);
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu dán án.

THẨM PHÁN

Trần Ngọc Tú